

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC

*Hoàng Thị Thu Trang và Lương Thị Huyền \**

**Tóm tắt:** Cùng với xu thế hội nhập quốc tế của nền kinh tế, hệ thống ngân hàng Việt Nam đang đứng trước “làn sóng” hội nhập với những cam kết mở cửa theo hướng ngày càng nới lỏng các quy định, mở ra nhiều cơ hội, nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho sự phát triển bền vững của hệ thống. Bài viết nghiên cứu thực trạng về phát triển bền vững tại các ngân hàng thương mại nhà nước trong bối cảnh hội nhập. Với dữ liệu được thu thập từ báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của giai đoạn 2018-2022 và sử dụng phương pháp nghiên cứu thu thập và xử lý số liệu, nghiên cứu thực trạng phát triển bền vững tại các ngân hàng thương mại nhà nước, như thực trạng thực hiện tiêu chuẩn về kinh tế, tiêu chuẩn môi trường và tiêu chuẩn xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại nhà nước đều đạt kết quả cao. Dựa trên kết quả nghiên cứu đạt được, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững tại NHTM nhà nước trong hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Phát triển bền vững ngân hàng thương mại, tiêu chuẩn kinh tế, tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn xã hội.

**Abstract:** Along with the general trend of international integration of the economy, the Vietnamese banking system is facing a “wave” of integration with commitments to open up in the direction of increasingly loosening regulations, opening up many opportunities. But also poses many difficulties and challenges for the sustainable development of the system. The article studies the current situation of sustainable development in state-owned commercial banks in the context of integration. With data collected from annual reports and financial statements of the period 2018-2022 and using research methods to collect and process data, study the status of sustainable development at state-owned commercial banks. such as the actual implementation of economic standards, environmental standards and social standards. Research results show that in the period from 2018 to now, the main indicators of business activities of state-owned commercial banks have achieved high results. Based on the obtained research results, the authors propose some solutions for sustainable development at state-owned commercial banks in international integration.

**Keywords:** Sustainable development of commercial banks, economic standards, environmental standards, social standards.

\* Trường Đại học Lao động - Xã hội

## 1. Đặt vấn đề

Cho bài sau của bạn thấy Mô hình ngân hàng bền vững mang lại nhiều lợi ích cho một quốc gia, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thúc đẩy phát triển nền công nghiệp xanh và gia tăng lợi ích cho tổ chức tài chính. Phát triển ngân hàng bền vững sẽ làm gia tăng giá trị tài sản trong tương lai cho ngân hàng, thông qua việc hỗ trợ các dự án xanh, thân thiện với môi trường sẽ giúp ngân hàng tạo mối quan hệ gắn kết với khách hàng và tạo hình ảnh tốt với công chúng, cung cấp các sản phẩm xanh, tài chính bền vững. Khảo sát IFC (2002) cho biết 86% báo cáo những thay đổi tích cực từ tích hợp hệ thống (Quản lý rủi ro môi trường và xã hội - ESMS) vào kinh doanh của họ, 19% thay đổi đáng kể, 0% báo cáo thay đổi tiêu cực. Khảo sát của UNEPFI (2007) có 26 tổ chức tài chính trong CEE đánh giá tình trạng nhận thức về phát triển bền vững, có hơn 90% các tổ chức đã triển khai thực tiễn kinh doanh bền vững nhằm mục tiêu chủ yếu là tăng cường danh tiếng và tiết kiệm chi phí. Nhiều ngân hàng lớn trên thế giới đã phát triển mô hình bền vững như: Alpha Bank, Allied Irish Banks, Bank Austria, Barclays, BBVA, Credit Agricole, Credit Lyonnais, Deutsche, KBC, Nordea, Royal Bank of Scotland, Ausgleichsbank, v.v. càng chứng tỏ tầm quan trọng của tính bền vững ngân hàng trong xu thế hội nhập ngành tài chính ngày càng sâu và rộng.

Phát triển bền vững ngân hàng thương mại bao gồm ba trụ cột chính đó là năng lực tài chính lành mạnh, hiệu quả, có trách nhiệm với môi trường và

cân bằng lợi ích của các bên liên quan, bao gồm của cổ đông, khách hàng, cơ quan quản lý, nhân viên và rộng hơn là mang lại ích cho cả cộng đồng xã hội. Phát triển bền vững tạo ra nhiều giá trị trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, giúp ngân hàng thu được lợi nhuận nhờ tăng cường uy tín, nâng giá trị thương hiệu, tăng khả năng gắn kết giữa các bên liên quan. Mặt khác, phát triển bền vững giúp ngân hàng năng lực tự phục hồi, duy trì hoạt động khi có tổn thất xảy ra do các tác động từ bên ngoài. Trong xu thế toàn cầu hóa, hệ thống ngân hàng thương mại phải hội nhập sâu và rộng, vì vậy phát triển bền vững nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo uy tín và vị thế của ngân hàng là một xu hướng tất yếu phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn sáng kiến báo cáo toàn cầu đã được phát triển với mục tiêu giúp các tổ chức báo cáo về hoạt động môi trường, xã hội, kinh tế và tăng cường trách nhiệm giải trình của họ.

Báo cáo sáng kiến toàn cầu (GRI) được biết đến như một khuôn khổ phổ biến nhất cho báo cáo tự nguyện của doanh nghiệp và các tổ chức khác trên toàn thế giới về hoạt động môi trường và xã hội. Brown (2007) nhận định rằng nếu đánh giá theo khả năng thu hút, toàn diện, tính minh bạch, và uy tín, GRI đã thành công kể từ khi ban hành vào năm 1999. GRI là kết quả của một dự án của Liên minh các nền kinh tế có trách nhiệm với môi trường (CERES) với Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc trong đó công bố các nguyên tắc báo cáo bền vững đầu tiên

vào tháng 6 năm 2000. Chỉ số về hiệu suất của GRI bao gồm tập hợp chỉ số trung tâm và chỉ số bổ sung về ba khía cạnh cốt lõi

của tính bền vững là kinh tế, môi trường và các chỉ số xã hội. Chỉ số hiệu suất theo GRI được trình bày dưới đây:

### Chỉ số hiệu suất theo phương pháp GRI

Chỉ số hiệu suất	Chỉ số trung tâm	Chỉ số bổ sung	Tổng số
Kinh tế	10	3	13
Xã hội	16	19	35
Môi trường	24	25	49
Tổng số	50	47	97

*Nguồn: Moneva và cộng sự (2006)*

Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập báo cáo phát triển bền vững (GRI Sustainability Reporting Standards) phiên bản mới nhất và Chuẩn mực quốc tế cao nhất về lập

Báo cáo phát triển bền vững được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) năm 2016 đã đưa ra chỉ số GRI:

Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn
Kinh tế	GRI 200
Môi trường	GRI 300
Xã hội	GRI 400

*Nguồn: GSSB (2016)*

Ngoài các tiêu chuẩn phát triển bền vững theo DJSI và GRI, còn có tiêu chuẩn hiệu suất của IFC, các nguyên tắc xích đạo, hiệp ước toàn cầu của Liên hiệp quốc, tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO)... Các tiêu chuẩn này ngày càng được nhiều ngân hàng thương mại trên thế giới thực hiện nhằm nâng cao trách nhiệm đối với xã hội và môi trường trong hoạt động, nâng cao giá trị thương hiệu và gắn kết khách hàng,...

Nguyễn Thanh Phương (2012) đề xuất quan điểm về phát triển bền vững ngân hàng và phân tích phát triển bền vững tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Tác giả xây dựng các chỉ tiêu phản ánh sự phát triển bền vững của

ngân hàng thương mại gồm 4 nhóm chỉ tiêu: phản ánh quy mô, tốc độ tăng trưởng, cơ cấu thị phần nguồn vốn và tài sản; nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng tiếp cận của ngân hàng; nhóm chỉ tiêu phản ánh tính an toàn trong hoạt động ngân hàng; và cuối cùng là nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của ngân hàng.

Trần Thị Hoàng Yến (2016) ứng dụng mô hình hồi quy tuyến tính bội nhằm kiểm tra mối quan hệ và tác động của các biến độc lập là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến kết quả tài chính của ngân hàng thông qua các biến phụ thuộc là ROA và ROE. Trong nghiên cứu này tác giả đã làm rõ các lý thuyết về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong đó có lý thuyết

về các bên liên quan và đây là lý thuyết cốt lõi và phổ biến nhất về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Bài viết cũng làm rõ các phương thức thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các khuôn khổ theo thông lệ quốc tế. Như vậy, kết quả của nghiên cứu đánh giá tác động của trách nhiệm xã hội đến kết quả hoạt động tài chính của ngân hàng, nghiên cứu này không đánh ngân hàng bền vững.

Nguyễn Việt Hùng (2008) phân tích thực trạng và đánh giá hoạt động của các NHTM Việt Nam dựa trên phương pháp định tính và định lượng như phân tích (SFA) phương pháp phân tích tham số và phi tham số (DEA) và mô hình Tobit. Phạm vi bài viết là đánh giá hiệu quả hoạt động, không đánh giá toàn diện về mức độ phát triển bền vững ngân hàng thương mại Việt Nam.

Nguyễn Hồng Sơn và cộng sự (2015) tổng hợp được các quan điểm, các chỉ tiêu đánh giá về phát triển ngân hàng bền vững. Thông qua đánh giá thực trạng phát triển hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam và tái cấu trúc theo thông lệ quốc tế, nhóm tác giả đã đề xuất các giải pháp phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng phát triển và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại dựa theo các tiêu chí đánh giá tính ổn định và lành mạnh hệ thống ngân hàng là chủ yếu. Nghiên cứu này chưa đi sâu đánh giá về thực trạng phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại theo thông lệ quốc tế về khía cạnh môi trường và xã hội trong hoạt động ngân hàng.

Nhìn chung, các nghiên cứu về phát

triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại ở trong nước chưa nhiều, chưa làm rõ được các mức độ bền vững của ngân hàng thương mại. Các nghiên cứu trong nước tập trung nhiều về đánh giá hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại, rất ít nghiên cứu về thực trạng phát triển bền vững.

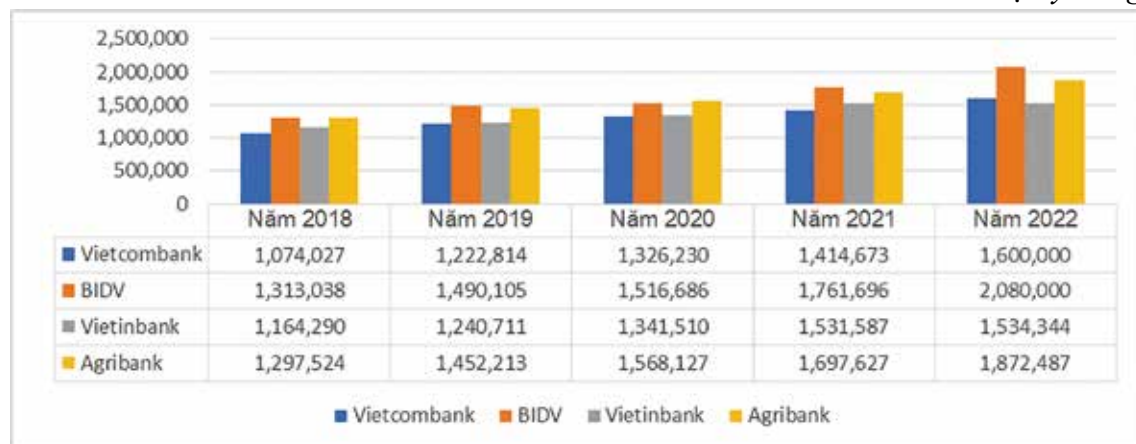
## **2. Thực trạng phát triển bền vững tại các ngân hàng thương mại nhà nước Tiêu chuẩn kinh tế**

### ***Hiệu quả trong hoạt động kinh tế và đóng góp cho ngân sách nhà nước***

Trong giai đoạn 5 năm 2018-2022 trước sự hội nhập kinh tế sâu rộng, đặc biệt từ năm 2020 đến nay tình hình thế giới, khu vực và Việt Nam đã có những diễn biến phức tạp, khó lường trước sự bùng phát của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi, lạm phát. Trong bối cảnh hết sức khó khăn, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và kịp thời triển khai nhiều chính sách nhằm khắc phục khó khăn, giảm bớt thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai. Với vai trò là các ngân hàng thương mại nhà nước trụ cột, chủ lực của ngành ngân hàng, các NHTM nhà nước đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thực hiện “mục tiêu kép”: Vừa ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh trong hệ thống và khách hàng giao dịch, đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, lạm phát, vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả cao.

**Biểu đồ 1. Quy mô tổng tài sản tại các ngân hàng thương mại nhà nước giai đoạn 2018-2022**

Đơn vị: tỷ đồng

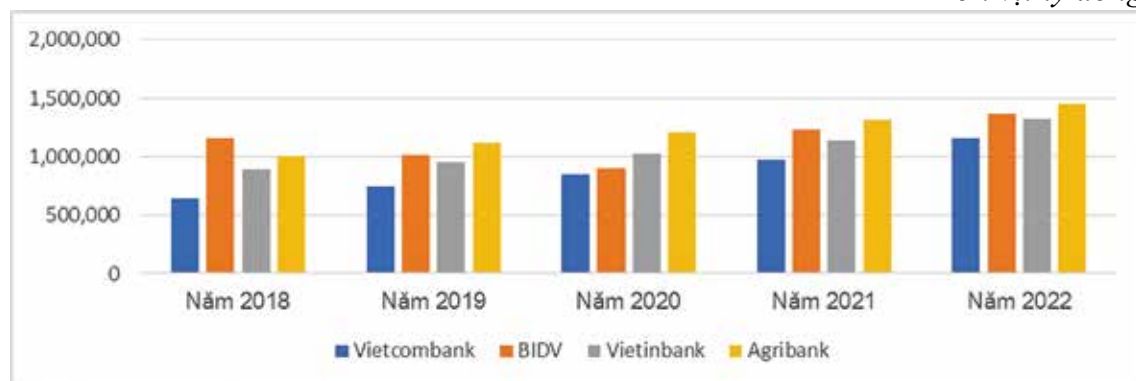


Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tài chính của các NHTM nhà nước giai đoạn 2018-2022

Qua biểu đồ cho thấy quy mô tổng tài sản của các NHTM Nhà nước không ngừng tăng lên từ năm 2018 đến nay và đồng thời vươn lên là các doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hoá lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Biểu đồ 2. Dư nợ tín dụng tại các ngân hàng thương mại nhà nước giai đoạn 2018-2022**

Đơn vị: tỷ đồng

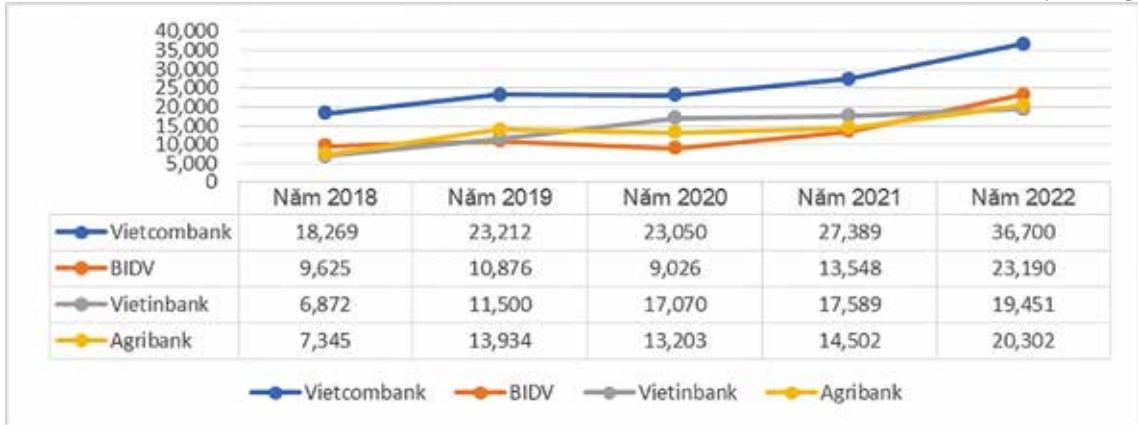


Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tài chính của các NHTM nhà nước giai đoạn 2018-2022

Tăng trưởng huy động vốn của các NHTM nhà nước qua các năm đều tăng, cơ cấu huy động vốn chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn có chi phí đầu vào thấp. Dư nợ tín dụng tăng từ năm 2018 đến năm 2022 tăng, cao hơn mức trung bình của toàn ngành và tăng tập trung vào các ngành, lĩnh vực hoạt động then chốt của nền kinh tế như phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy xuất khẩu, nông nghiệp nông thôn, các ngành công nghiệp mũi nhọn, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chất lượng tín dụng được kiểm soát một cách thực chất, nợ xấu giảm mạnh qua các năm, tỷ lệ nợ xấu đã được kiểm soát và các NHTM nhà nước là các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp trong nhóm các tổ chức tín dụng lớn trên thị trường.

**Biểu đồ 3. Lợi nhuận trước thuế tại các ngân hàng thương mại nhà nước giai đoạn 2018-2022**

Đơn vị: tỷ đồng



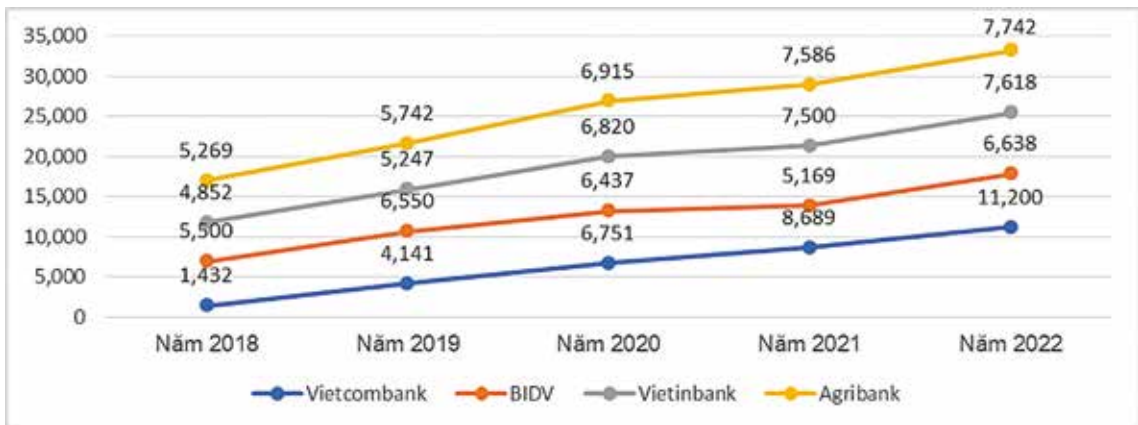
Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tài chính của các NHTM nhà nước giai đoạn 2018-2022

Lợi nhuận trước thuế của các NHTM nhà nước tăng qua các năm đặc biệt trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch, các NHTM nhà nước đã thực hiện nhiều giải pháp ứng dụng công nghệ số, cải tiến sản phẩm dịch

vụ nên lợi nhuận đạt được vẫn vượt so với các năm trước. Với những kết quả kinh doanh ấn tượng, 4 NHTM nhà nước đã trở thành các ngân hàng nộp thuế lớn trong các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam.

**Biểu đồ 4. Nộp ngân sách nhà nước của các ngân hàng thương mại nhà nước giai đoạn 2018-2022**

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên của các NHTM nhà nước giai đoạn 2018-2022

Trong suốt 5 năm, từ năm 2018 đến năm 2022, NHTM nhà nước luôn là những doanh nghiệp nộp ngân sách nhiều nhất, trong đó Vietcombank dẫn đầu hệ thống ngân hàng nộp thuế nhiều

nhất. Kết quả này ghi nhận sự đóng góp quan trọng của các NHTM nhà nước đối với ngân sách nhà nước.

**Tiên phong chung tay hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn**

Trong giai đoạn từ năm 2018-2022, các NHTM nhà nước luôn thực hiện chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp vay vốn, có chính sách lãi suất ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong giai đoạn dịch Covid-19, các NHTM nhà nước chủ động, tích cực hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp bởi dịch bệnh và ảnh hưởng của bão lũ tại miền Trung, triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng, như: miễn giảm lãi, phí; cơ cấu lại thời hạn trả nợ; cho vay mới để hỗ trợ khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các gói tín dụng với lãi suất phù hợp để hỗ trợ khách hàng theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, với tinh thần khẩn trương và nghiêm túc, các NHTM nhà nước đã quyết liệt thực hiện cơ cấu nợ theo Thông tư 01 trên toàn hệ thống từ tháng 03/2020 nhằm hỗ trợ khách hàng và đảm bảo hạn chế việc trục lợi chính sách. Các khách hàng được các NHTM nhà nước cơ cấu nợ về cơ bản đều duy trì được hoạt động ổn định. Với sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, các NHTM nhà nước đã hỗ trợ hơn gần 1 triệu khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch với dư nợ 2.400 nghìn tỷ đồng, hạ lãi suất/áp dụng lãi suất ưu đãi, chiếm hơn 80% tổng dư nợ cho vay của toàn hệ thống. Doanh số cho vay mới lũy kế đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch là gần 3.500 nghìn tỷ đồng với hơn 420 nghìn khách hàng được hưởng ưu đãi. Thực hiện cơ cấu thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01 gần 200 nghìn tỷ đồng.

### ***Thông lệ mua sắm***

Hoạt động mua sắm của các NHTM nhà nước được thực hiện tập trung, đảm bảo sử dụng đồng bộ, đạt được quy mô mua sắm hiệu quả, tiết kiệm chi phí và thời gian. Tất cả các loại hàng hóa mua sắm thường xuyên được quy định chuẩn hàng hóa trong từng thời kỳ, được tổng hợp nhu cầu mua sắm năm và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp chính vào đầu mỗi năm tài chính. Việc mua sắm luôn phải đảm bảo các tiêu chí hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm. Định kỳ hàng năm, các NHTM nhà nước tiến hành tổ chức đánh giá nhà cung cấp, lựa chọn và bổ sung các nhà cung cấp đáp ứng năng lực về vốn, kinh nghiệm triển khai và ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp có cam kết bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào và không vi phạm các quy định về sử dụng lao động.

### ***Chống tham nhũng***

Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân. Tại các NHTM nhà nước, công tác phòng chống tham nhũng luôn được quan tâm tổ chức, chỉ đạo thực hiện một cách quyết liệt. Ban Lãnh đạo các Ngân hàng xác định công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên trong chỉ đạo, điều hành; kết hợp giữa phòng và chống, vừa tích cực phòng ngừa, vừa xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng.

## Tiêu chuẩn về môi trường

### *Phát thải*

*Khí thải.* Đối với phương tiện vận chuyển: các NHTM nhà nước luôn trang bị những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Hàng năm, các NHTM nhà nước cũng thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng phương tiện trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ không đạt tiêu chuẩn. Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, máy phát điện: Các ngân hàng luôn lựa chọn những trang thiết bị hiện đại, thân thiện môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về khí thải và tiếng ồn. Thực hiện bảo dưỡng theo đúng lịch trình và kỹ thuật của nhà cung cấp để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng.

*Nước thải.* Các NHTM nhà nước khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng tiết kiệm nước tại văn phòng, mức tiêu thụ nước được theo dõi chặt chẽ. Chẳng hạn tại Vietcombank từ năm 2019, toàn hệ thống đã ngừng sử dụng các sản phẩm nước đóng chai, chuyển sang sử dụng nước tinh khiết giữ trong chai thủy tinh để tái sử dụng nhiều lần, đảm bảo thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguồn nước.

*Chất thải.* Chất thải rắn được phân loại, thu gom và có nhân viên xử lý theo đúng quy trình. Thường xuyên tái sử

dụng bình mực, máy in, giấy in, ruột bút bi thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường. Không phát sinh các chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

*Tiếng ồn.* Không phát sinh.

### *Môi trường*

Các NHTM nhà nước luôn ý thức chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, hướng đến mô hình ngân hàng xanh và tạo dựng một không gian làm việc thân thiện với người lao động. Bên cạnh đó, các NHTM nhà nước luôn đề cao xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh, chú trọng thực hiện tiết kiệm điện, nước, giấy và các vật liệu văn phòng; có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

### *Tiêu chuẩn về xã hội*

#### *Liên quan tới người lao động*

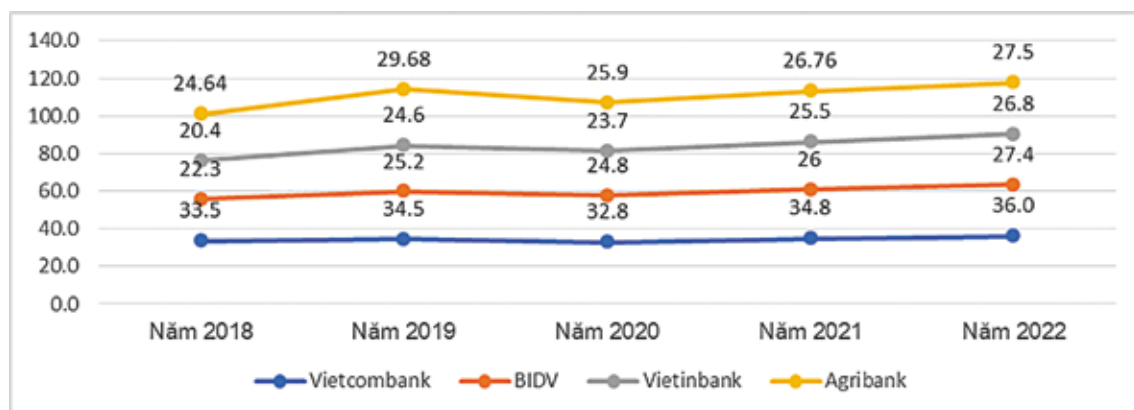
Các NHTM nhà nước luôn coi trọng và ưu tiên nguồn lực trong việc xây dựng, bồi dưỡng, phát triển yếu tố con người. Thực tế, trong 5 năm liên tiếp các NHTM nhà nước duy trì vị trí là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam theo kết quả khảo sát “100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” do Công ty Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Nhật Bản Intage công bố hàng năm.

Các NHTM nhà nước đã tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động trong xã hội. Tổng số lao động từ năm 2018-2022 không ngừng tăng lên. Tính đến 31/12/2018 tổng số lao động là 46.227 cán bộ nhân viên, năm 2022 số lao động tại 4 NHTM nhà nước tăng lên 81.671 cán bộ nhân viên. Số lượng nhân viên tăng song tổng thu nhập của cán bộ nhân viên cũng tăng theo các năm nhưng năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của dịch

bệnh nên thu nhập bình quân tháng của người lao động giảm so với giai đoạn trước dịch và đến năm 2022 đã có sự phục hồi đáng kể.

**Biểu đồ 5. Thu nhập bình quân/tháng của cán bộ, nhân viên các NHTM nhà nước giai đoạn 2018-2022**

*Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng*



*Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên của các NHTM nhà nước 2018-2022*

Chế độ làm việc của các NHTM nhà nước theo hướng tạo điều kiện cho người lao động: bảo đảm chế độ nghỉ phép năm, nghỉ các ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng của người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, nghỉ thai sản, ốm đau theo đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Các NHTM nhà nước đều đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hầu hết các khâu trong quy trình tuyển dụng (nhận hồ sơ, lựa chọn hồ sơ, tổ chức thi trực tuyến trên máy...), thực hiện theo các quy định rõ ràng, đảm bảo trung thực, khách quan nhằm tuyển dụng được cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc và vị trí công tác được giao. Lao động mới tuyển đảm bảo đúng quy định về thời gian thử việc theo loại hợp đồng lao động và chế độ trả lương trong thời gian thử việc.

**Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội**

*Ngân hàng xanh*

Các NHTM nhà nước đều hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng. Như ở Vietcombank đã đồng hành tổ chức chương trình “Vì một Việt Nam Xanh” với mục đích nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của cán bộ đoàn, đoàn viên, thanh thiếu nhi cả nước tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững đất nước. Năm 2019, Vietcombank cũng là ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JBIC) cấp khoản tín dụng 200 triệu USD để hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng xanh và bảo vệ môi trường tại Việt Nam.

*An sinh xã hội*

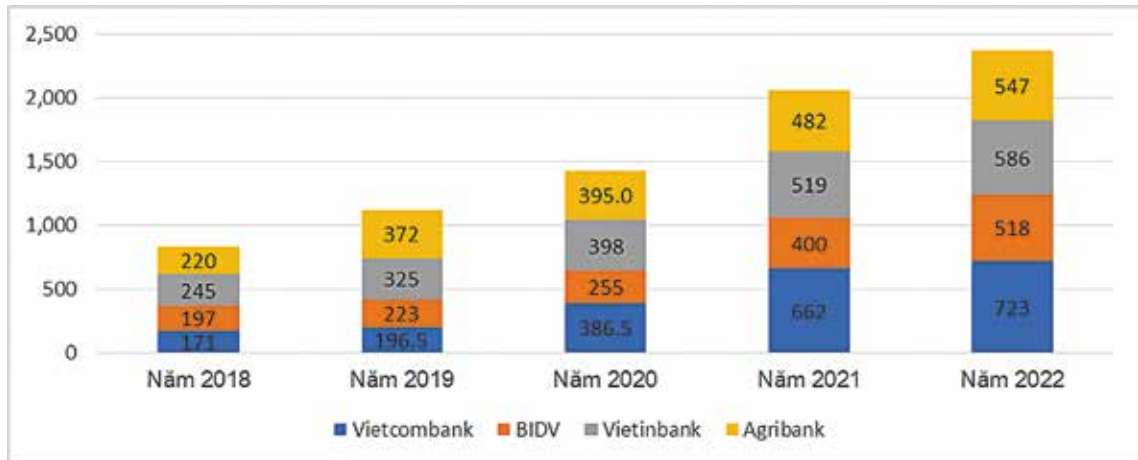
Các NHTM nhà nước là ngân hàng hàng đầu quan tâm đến các chương trình an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2018-2022,

mặc dù gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh, đặc biệt là năm 2020, 2021 chịu sự tác động nặng nề của dịch bệnh với sự sụt

giảm về hiệu quả kinh doanh, các NHTM nhà nước vẫn tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội với hàng nghìn tỷ đồng.

**Biểu đồ 6. Chính sách tài trợ cho an sinh xã hội giai đoạn 2018-2022**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*



*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo thường niên của các NHTM nhà nước giai đoạn 2018-2022*

Các hoạt động an sinh xã hội nổi bật của các NHTM nhà nước trong giai đoạn 2018-2022 như: xây dựng nhiều ngôi trường mới, hiện đại hóa hệ thống quản trị trên nền tảng công nghệ thông tin cho các cơ sở trường học, bệnh viện, những đợt cứu trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ, hạn mặn, rét đậm, rét hại, hàng chục ngàn suất quà tết gửi tặng đồng bào nghèo khắp cả nước, các chương trình hỗ trợ phòng chống dịch bệnh... là những con số thiết thực ghi dấu ấn của các NHTM nhà nước trong hành trình đóng góp tâm sức cho cộng đồng.

Hoạt động an sinh xã hội của các NHTM nhà nước không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được các NHTM nhà nước triển khai suốt nhiều năm qua với

sự tham gia tích cực từ trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước, đặc biệt là sự hỗ trợ rất lớn trong công cuộc phòng chống dịch. Với truyền thống tốt đẹp của ngành ngân hàng, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về việc đẩy mạnh an sinh xã hội tạo động lực phát triển bền vững.

Trong những năm qua, các NHTM nhà nước đã không ngừng nỗ lực hoàn thiện, phát triển, đi đầu trong hoạt động phát triển bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động phát triển bền vững của các NHTM nhà nước cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục để bắt nhịp chung với thế giới và nâng mục tiêu phát triển bền vững theo

tiêu chuẩn quốc tế. Đó là những hạn chế liên quan đến các tiêu chuẩn về kinh tế (nợ xấu, rủi ro trong hoạt động, tính cạnh tranh thấp,...), môi trường và xã hội.

### 3. Khuyến nghị giải pháp

#### ***Giải pháp nâng cao tiêu chuẩn kinh tế***

*Một là, nâng cao chất lượng tài sản của các NHTM nhà nước*

Trong thời gian tới, các NHTM nhà nước cần có những biện pháp xử lý hiệu quả nợ xấu nhằm nâng cao chất lượng tài sản và năng lực tài chính. Xử lý nợ xấu bằng cách thường xuyên đánh giá, phân loại đúng chất lượng và khả năng thu hồi của các khoản nợ của khách hàng. Thực hiện các biện pháp cơ cấu lại nợ, tiếp tục hỗ trợ vốn để doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, khôi phục sản xuất kinh doanh. Kiểm soát và tiết giảm chi phí hoạt động, trong đó chú trọng các chi phí liên quan đến môi trường trong hoạt động nội bộ, sử dụng tối ưu nguồn lực. Nợ xấu so với vốn chủ sở hữu của các NHTM nhà nước hiện được đánh giá là thấp trong hệ thống ngân hàng nhưng các NHTM nhà nước cần tăng cường trích lập và sử dụng quỹ dự phòng để xử lý tận gốc nợ xấu.

*Hai là, xây dựng các chương trình đầu tư vào công nghệ mới để tạo ra các sản phẩm dịch vụ đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng và giảm thiểu rủi ro.*

Các NHTM nhà nước cần triển khai các dự án tự động hóa các hoạt động kinh doanh cốt lõi như phê duyệt tín dụng, phát hành và thanh toán LC, chuyển tiền và khiếu nại... nhằm rút ngắn thời gian chờ đợi của khách hàng, đồng thời nâng

cao hiệu quả công việc của nhân viên và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động.

*Ba là, phát huy các sản phẩm truyền thống đồng thời có chính sách khai thác công nghệ hiệu quả*

Giải pháp này nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về sản phẩm và dịch vụ, tạo sự đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ sẽ góp phần phân tán hạn chế bớt rủi ro trong quá trình hoạt động, phát triển và nâng cấp dịch vụ ngân hàng điện tử, tạo thuận lợi và thu hút khách hàng giao dịch tại các NHTM nhà nước.

#### ***Giải pháp nâng cao tiêu chuẩn môi trường***

*Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội*

Phát triển theo mô hình ngân hàng xanh và hướng đến bền vững, các NHTM nhà nước cần xây dựng được hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội nhằm tích hợp rủi ro về E&S nhằm đánh giá, phân loại các dự án trước khi ra quyết định tín dụng. Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội của ngân hàng hỗ trợ cho việc đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội của các dự án vay vốn tại ngân hàng. Ngân hàng bền vững sẽ đánh giá, phân loại, lọc và loại bỏ các dự án có tác động xấu đến môi trường. Để xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội, các NHTM nhà nước cần xây dựng lộ trình gồm ba giai đoạn, giai đoạn I là xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động nội bộ, giai đoạn II, quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cho vay, giai đoạn III, cung cấp các sản phẩm tài chính xanh và bền vững.

<b>Giai đoạn 1: Xây dựng hệ thống môi trường nội bộ</b>	<b>Giai đoạn 2: Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cho vay</b>	<b>Giai đoạn 3: Cung cấp các sản phẩm tài chính xanh và bền vững</b>
---	---	--

Khi thực hiện phát triển bền vững, các cán bộ ngân hàng đánh giá rủi ro môi trường của khách hàng, không chỉ dừng lại ở quyết định cho vay mà còn thực hiện đánh giá rủi ro môi trường sau giao dịch về vốn. Bên cạnh đó, ngân hàng bền vững cần có những biện pháp hỗ trợ khách hàng giảm những tác động tiêu cực đến môi trường khi thực hiện dự án. Đối với dự án có tác động tiêu cực đến môi trường, các NHTM nhà nước cần phải lọc và không cho vay, khâu đánh giá các rủi ro môi trường, xã hội phải bao gồm những rủi ro tiềm năng có thể xảy ra. Các dự án tác động tích cực đến môi trường như: phát triển bền vững và tái tạo tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ sức khỏe con người, đa dạng sinh học, hiệu quả công nghệ, các dự án phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm... cần được khuyến khích để được vay vốn thuận lợi, lãi suất ưu đãi, kỳ hạn hấp dẫn... Để thẩm định các dự án này, các NHTM nhà nước nên liên kết với chuyên gia của bên thứ ba để có kế hoạch quản lý rủi ro môi trường hiệu quả. Bên cạnh đánh giá quy mô, tính chất, ảnh hưởng của dự án đến môi trường, dự án vay cần được đánh giá trên cơ sở tiềm năng tác động tiêu cực và tích cực đến môi trường.

*Đào tạo kiến thức về môi trường cho nhân viên*

*Thứ nhất*, trang bị cho nhân viên những kiến thức căn bản về vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu, năng lượng tái tạo và công nghệ sản xuất.

*Thứ hai*, lựa chọn các chuyên gia và mở các khóa đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về vấn đề môi trường cho nhân viên. Đào tạo và nâng cao khả năng đánh giá về công nghệ sản xuất, năng lượng; thành lập các nhóm chuyên trách nhằm đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội của dự án vay vốn xuyên suốt từ hội sở đến các chi nhánh.

*Thứ ba*, cung cấp cho nhân viên những thông tin kịp thời về môi trường liên quan đến hoạt động của ngân hàng. Chẳng hạn, cung cấp các thông tin về môi trường của các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của khách hàng vay vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng ảnh hưởng đến môi trường, như: hóa chất, kim loại và khai thác mỏ, các hoạt động khác có cường độ cacbon cao... nhằm giúp cán bộ tín dụng có những đánh giá đầy đủ và chính xác những rủi ro môi trường của khách hàng.

***Giải pháp nâng cao tiêu chuẩn xã hội***

*Thứ nhất*, các NHTM nhà nước cần có kế hoạch và chiến lược đào tạo cán bộ ngay từ khi mới được tuyển dụng, chú trọng đào tạo cả chuyên môn lẫn đạo đức để xây dựng được đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, tinh thông nghề nghiệp. Việc đào tạo nguồn nhân lực của ngân hàng phải kết hợp nhiều hình thức đặc biệt là đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao nguồn lực hiện có để đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững, đặc biệt là trong việc đánh giá những

rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cho vay.

*Thứ hai*, nhân viên các NHTM nhà nước phải đảm bảo đủ trình độ chuyên môn và năng lực để đáp ứng cho các giai đoạn phát triển bền vững ngân hàng. Trong đó, đối với nhân sự cấp cao cần phải hiểu rõ các vấn đề về biến đổi khí hậu, các vấn đề về năng lượng sạch và cải thiện môi trường. Bên cạnh đó, để thực hiện chiến lược phát triển bền vững, đòi hỏi nhân viên ngân hàng phải có đạo đức nghề nghiệp, hành vi và tuân thủ cao các tiêu chuẩn về giá trị và chiến lược kinh doanh của ngân hàng để có thể thực hiện nhiệm vụ của mình ở mọi cấp độ.

*Thứ ba*, các NHTM nhà nước cần có những chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời nhằm tăng sự đóng góp, cống hiến của nhân viên. Vì mức độ cống hiến và cam kết của nhân viên có liên quan tích cực đến kết quả kinh doanh, cải thiện hiệu quả kinh doanh, tăng sự hài lòng của khách hàng. Đồng thời ngân hàng nên định kỳ khảo sát người lao động về kỹ năng, nghiệp vụ, các hiểu biết của họ đáp ứng chiến lược kinh doanh của ngân hàng, từ đó có cơ sở đánh giá, phân loại nhân viên và có kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của nhân viên.

*Thứ tư*, đối với nhân sự cấp cao, các NHTM nhà nước cần có chiến lược kế nhiệm đảm bảo sự hiểu biết sâu rộng các chiến lược của ngân hàng, các lĩnh vực kinh doanh chính, khách hàng, văn hoá và các giá trị cốt lõi của ngân hàng, cũng như cơ hội để xây dựng và phát triển ngân hàng bền vững. Song song với bổ sung

nguồn nhân lực cấp cao, các NHTM nhà nước cần có chính sách tuyển mới nhân viên đáp ứng các yêu cầu từng vị trí và đáp ứng yêu cầu kinh doanh bền vững của ngân hàng.

*Thứ năm*, thường xuyên đào tạo đội ngũ cán bộ, kỹ sư chuyên về công nghệ thông tin đủ năng lực tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại và làm chủ được khoa học kỹ thuật trong thời kỳ mới, đủ khả năng, năng lực thiết kế và sản xuất những gói phần mềm mới chuyên dụng bảo đảm chất lượng và an toàn trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng. Thường xuyên đào tạo, cập nhật kiến thức về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý và nghiệp vụ trong ngành Ngân hàng. Ưu tiên hàng đầu cho công tác giáo dục bảo mật và nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ ngân hàng về công tác bảo mật nhằm thay đổi quan điểm của họ về trách nhiệm bảo mật đặc biệt là đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin.

### **Kết luận**

Lý thuyết các tiêu chuẩn quốc tế về tính bền vững của các ngân hàng thương mại (GRI) bao gồm các khía cạnh về bền vững kinh tế, môi trường và xã hội. Từ phân tích thực trạng, cũng như đánh giá quá trình phát triển bền vững của các NHTM nhà nước ở Việt Nam cho thấy, để phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế, các NHTM nhà nước cần thực hiện các giải pháp nâng cao tiêu chuẩn bền vững kinh tế (tăng chất lượng tài sản, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ); nâng cao tiêu chuẩn bền vững môi trường (hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi

trường, trang bị kiến thức về môi trường cho nhân viên ngân hàng); nâng cao tiêu chuẩn xã hội bằng biện pháp đào tạo nhân viên cả về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, đầu tư kinh phí nhiều hơn cho các chương trình an sinh xã hội./.

### Tài liệu tham khảo

1. Sơn, N. & cộng sự (2015). *Phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Yên., T. (2016). *Nghiên cứu tác động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến kết quả hoạt động tài chính tại các ngân hàng thương mại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank. *Báo cáo tài chính 2018-2022; Báo cáo thường niên 2018-2022*.
4. “DJSI: Corporate Sustainability Assessment”. Retrieved November 8, 2012.
5. Dow Jones Sustainability Indices (DJSI), 2011. *Dow Jones Sustainability North America Indexes (Version 5.6)*. Available online: (accessed 07.12.11.). [http://www.sustainability-index.com/djsi\\_pdf/publications/Guidebooks/DJSI\\_NA\\_Guidebook\\_5\\_6\\_final.pdf](http://www.sustainability-index.com/djsi_pdf/publications/Guidebooks/DJSI_NA_Guidebook_5_6_final.pdf).
6. Global Reporting Initiative (2002), *Sustainability reporting guidelines*. [www.globalreporting.org](http://www.globalreporting.org).
7. IFC (2012), *IFC Performance Standards on Environmental and Social Sustainability*.
8. ISO 26000, (2010) *Guidance on social responsibility*. INTERNATIONAL STANDARD.
9. Ngân hàng thế giới: <https://data.worldbank.org/indicator/FB.CBK.BRCH.P5?locations=VN&view=chart> ; <https://data.worldbank.org/indicator/FB.BNK.CAPA.ZS?locations=1WVN&view=chrt> ; <https://data.worldbank.org/indicator/FB.AST.NPER.ZS?locations=VN-1W&view=chart>
10. Ngân hàng nhà nước: [https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/apph/bctn?\\_afrLoop=13371196928483407#%40%3F\\_afrLoop%3D13371196928483407%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26\\_adf.ctrl-state%3Dpcnp12mys\\_115](https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/apph/bctn?_afrLoop=13371196928483407#%40%3F_afrLoop%3D13371196928483407%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dpcnp12mys_115)